TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ MỸ** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2019/HNGĐ-ST
Ngày 20 - 8 - 2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Hưng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hiền.
2. Ông Đinh Công Trường.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa***: Ông Đặng Quang Nam, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 08 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 193/2019/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 04 năm 2019 về "*Ly hôn, Tranh chấp nuôi con*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 07 năm 2019, quyết định hoãn phiên tòa số 32/2019/QĐST- HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1991

Địa chỉ: Khu vực A, phường L, thị xã N, tỉnh Hậu Giang (Có mặt).

Bị đơn: Ông Trần Vũ P, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số 65 đường C, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 18/9/2018, đơn xin thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện ngày 05/6/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Bà T và ông Trần Vũ P tự nguyện đến với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Phú Mỹ (nay là phường Phú Mỹ) vào năm 2011. Thời gian đầu, hai vợ chồng sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2012 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Do ông P ham mê chơi bời, không chịu làm ăn và có người phụ nữ khác, trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cải vã, cuộc sống vợ chồng luôn trong tình trạng căng thẳng. Bà T và ông P đã ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể

kéo dài. Nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Vũ P để mỗi người ổn định cuộc sống riêng của mình.

Về con chung: Bà T và ông Trần Vũ P có 01 người con chung là cháu Trần Ngọc Yến N, sinh ngày 27/8/2010, bà T có nguyện vọng được nuôi cháu N đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi cn hàng tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Trần Vũ P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không gửi ý kiến cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt, vi phạm quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T, về án phí bà T phải chịu theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T khởi kiện ông Trần Vũ P có địa chỉ tại số 65 đường C, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu, yêu cầu được ly hôn với Trần Vũ P và yêu cầu giải quyết về con chung. Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu và quan hệ pháp luật của vụ án là yêu cầu "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*".

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn:

Tòa án đã tống đạt cho bị đơn: Thông báo thụ lý vụ án, Thông về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn theo đúng quy định tại Điều 177, Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại các buổi hòa giải và phiên tòa sơ thẩm lần hai, phía bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo luật định.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông P tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 63, quyển số 01, ngày 29/4/2011. Vì vậy; Hội đồng xét xử thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông P là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu bà T và ông P sống với nhau hạnh phúc. Nhưng đến năm 2012 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng luôn trong tình trạng căng thẳng do bà T và ông P bất đồng quan điểm trên mọi vấn đề. Từ năm 2012 cho đến nay, bà T và ông P không còn sống chung với nhau nữa.

Nhận thấy, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị T, chấp nhận cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Trần Vũ P.

[3.2] Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà T và ông P có 01 con chung là cháu Trần Ngọc Yến N, sinh ngày 27/8/2010 (theo giấy khai sinh số 194 quyển số 01 do UBND phường Phú Mỹ cấp ngày 07/7/2011) hiện nay đang ở với ông P. Khi ly hôn, bà T có nguyện vọng được nuôi con chung đến tuổi thành niên, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Xét thấy; Bà T hiện nay có việc làm, thu nhập và có chỗ ở ổn định, đồng thời cháu N có nguyện vọng được ở cùng với mẹ, mặc khác cháu N là cháu gái đang trong giai đoạn phát triển tâm sinh lý nên cháu cần ở với mẹ là có căn cứ. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung là cháu N cho bà T trực tiếp nuôi đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Do bà T không yêu cầu cấp dưỡng nên ông P không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với ông Trần Vũ P về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Trần Vũ P.

- Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Trần Vũ P phải giao con chung là cháu Trần Ngọc Yến N, sinh ngày 27/8/2010 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông P không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Trần Vũ P được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0008504 ngày 24/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ. Như vậy bà T đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án*".

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Phạm Xuân Hưng